

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ A  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HS-ST

Ngày 22 - 4 - 2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Văn H

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Nguyễn Văn Th

2/ Ông Lê Minh Ch

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xuân Th –Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc D – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2019/TLST- HS ngày 28 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2019, đối với các bị cáo:

**1. Họ và tên bị cáo thứ nhất: Nguyễn Thị Thanh Hư** (tên gọi khác: Hương Den), sinh năm: 1981 tại T, B; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 2, khu vực 5, phường Tr, thành phố Q, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình G (sinh năm 1928) và bà Nguyễn Thị Ph (sinh năm 1954); chồng: Phạm Văn Th (sinh năm 1979) (là bị cáo thứ 2 trong vụ án), con: có 02 người lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2015; tiền án: Ngày 09/6/2017, bị Tòa án nhân dân thị xã A xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 05/8/2010, bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích; ngày 28/5/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Q xử phạt 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong và đã được xóa án tích. Bị cáo bắt tạm giữ ngày 17/11/2018 và chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại tòa.

**2. Họ và tên bị cáo thứ hai: Phạm Văn Th**, sinh năm 1979 tại Q, B; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: Tổ 2, khu vực 5, phường Tr, thành phố Q, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình B (sinh năm 1950) và bà Trần Thị Kim H (sinh năm 1950); vợ: Nguyễn Thị Thanh H (sinh năm 1981) (là bị cáo thứ nhất trong vụ án); con: có 02 người lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 05/8/2010, bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong và đã được xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 17/11/2018 và chuyển tạm giam đến ngày 25/01/2019 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại có mặt tại tòa.

**\* Người bị hại:**

1. Chị Nguyễn Thị Phương L (sinh năm 1979), anh Trương Quang Tr (sinh năm 1975); cùng nơi cư trú: thôn Th, xã Nh, thị xã A, tỉnh B(có mặt)

2. Anh Nguyễn Duy N (sinh năm 1968), chị Hồ Thị Mỹ Ng (sinh năm 1970); cùng nơi cư trú: thôn Th, xã Nh, thị xã A, tỉnh B(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Trần Thị Kim H, sinh năm: 1950; nơi cư trú: khu vực 8, phường Ng, thành phố Q, tỉnh B(vắng mặt)

2. Anh Phan Văn Tr, sinh năm: 1973; nơi cư trú: thôn Đ, xã Ph, huyện T, tỉnh B(có mặt)

**\* Người chứng kiến:**

1. Chị Nguyễn Thị Sơn H, sinh năm: 1979; trú tại: thôn Th, xã Nh, thị xã A, tỉnh B(vắng mặt)

2. Anh Tạ Thế Tr, sinh năm: 1987; trú tại: thôn Th, xã Nh, thị xã A, tỉnh B (vắng mặt)

3. Anh Cao Thạch Th, sinh năm: 1984; trú tại: thôn Th, xã Nh, thị xã A, tỉnh B (vắng mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 17/11/2018, Cơ quan CSĐT Công an thị xã A, tỉnh B bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Thị Thanh H, Phạm Văn Th về hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác tại thôn Th, xã Nh, thị xã A, tỉnh B. Quá trình điều tra xác định, vào các ngày 13, 17/11/2018, Phạm Văn Th đã sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Sirius biển kiểm soát 77L1-040.86 chở vợ là Nguyễn Thị Thanh H từ thành phố Q đến địa bàn thị xã A dạo tìm nhà người dân sơ hờ, không có người trông coi và thực hiện 02 vụ chiếm đoạt tài sản; cụ thể như sau:

**Vụ thứ nhất:** Sáng ngày 13/11/2018, khi đi đến đoạn Quốc lộ 19 thuộc thôn Th, xã Nh, thị xã A, Nguyễn Thị Thanh H phát hiện nhà chị Nguyễn Thị Phương L

đóng khoá cửa, không có người trông coi. H nói Th dừng xe lại đứng bên ngoài cảnh giới, còn Hương đi bộ đến bên hông sau nhà, dùng tay mở lưới hàng rào B40 chui vào trong sân, rồi dùng tay mở cánh cửa sắt không khóa đi vào phòng buồng phía sau, kéo hộc bàn làm việc bên phải phát hiện có túi giấy, bên trong có 06 chiếc nhẫn tròn trơn bằng vàng 24K (Trong đó có 03 chiếc, mỗi chiếc trọng lượng 02 chỉ; 02 chiếc, mỗi chiếc trọng lượng 01 chỉ; 01 chiếc trọng lượng 0,5 chỉ). H lấy toàn bộ số vàng bỏ vào túi áo khoác, đi ra ngoài theo hướng đã đột nhập rồi cùng Th về lại thành phố Q. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, H đưa số vàng trộm cắp có được cho người thanh niên là chủ nợ của H (nhưng không nhớ rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) đem bán được 28.000.000 đồng, H trả nợ cho người thanh niên này 25.000.000 đồng, còn lại tiêu xài cá nhân hết.

Theo kết quả định giá ngày 18/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã A xác định 06 chiếc nhẫn bằng vàng 24K có tổng trị giá là 28.900.000 đồng. Các bị cáo đã bồi thường, khắc phục xong hậu quả cho bị hại.

**Vụ thứ hai:** Sáng ngày 17/11/2018, khi đi đến đoạn Quốc lộ 19 thuộc thôn Th, xã Nh, thị xã A, phát hiện nhà anh Nguyễn Duy N khóa cửa, không có người trông coi, Th dừng xe đứng ngoài cảnh giới cho H đi bộ đến phía sau bên hông nhà. H dùng con dao bằng kim loại đã rí sét tại nhà anh N (bỏ cạnh hàng rào lưới B40) cạy phá hàng rào chui vào sân, sau đó tiếp tục dùng con dao bằng kim loại màu trắng tại nhà anh N cạy phá cánh cửa tole vào bên trong nhà lục tìm tài sản. H đến phòng buồng gia đình anh N giật mạnh cánh cửa tủ thì phát hiện bên trong có các tài sản gồm: Tiền mặt 75.450.000 đồng; 01 dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 1,7 chỉ; 01 lắc tay bằng vàng 18K, trọng lượng 2,2 chỉ và 01 nhẫn tròn 18K, trọng lượng 0,2 chỉ. H lấy toàn bộ số tài sản bỏ vào túi nilon rồi tẩu thoát ra ngoài theo đường đã đột nhập. Khi Hương vừa đi đến chỗ bị cáo Th đứng chờ thì bị lực lượng Công an thị xã A bắt quả tang, thu giữ toàn bộ tài sản.

Theo kết quả định giá ngày 29/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã A xác định 01 dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 1,7 chỉ; 01 lắc tay bằng vàng 18K, trọng lượng 2,2 chỉ và 01 nhẫn tròn 18K, trọng lượng 0,2 chỉ có tổng trị giá là 8.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu hồi tài sản và giao trả cho chủ sở hữu.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra Công an thị xã A đã tạm giữ của các bị cáo 01 (một) xe mô tô Sirius màu sơn đỏ đen biển kiểm soát 77L1-040.86; 01 điện thoại di động hiệu ViVo, 01 điện thoại di động hiệu Nokia; 02 con dao bằng kim loại.

Tại bản cáo trạng số: 09/CT-VKSAN ngày 26/02/2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Thanh H, Phạm Văn Th về tội “ Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay,

Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã A vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Thanh H, Phạm Văn Th về tội “ Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử: \

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H từ 30 (ba mươi) đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54; Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Th từ 24 (hai mươi bốn) đến 30 (ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, tuyên: trả 01 (một) xe mô tô Sirius màu sơn đỏ đen biển kiểm soát 77L1-040.86; 01 điện thoại di động hiệu ViVo, 01 điện thoại di động hiệu Nokia; tịch thu, tiêu hủy 02 con dao bằng kim loại.

Các bị cáo H, Th khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Trong lời nói sau cùng các bị cáo xác định bản thân đã ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố Tụng hình sự. Các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Xét về hành vi của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị Thanh H, Phạm Văn Th khai nhận: Để có tiền tiêu xài và để trả nợ, trong các ngày 13, 17/11/2018, bị cáo Th điều khiển xe mô tô chở bị cáo Hương đi dọc theo Quốc lộ 19 thuộc thôn Th, xã Nh, thị xã A dạo tìm nhà dân có sơ hở và không có người trông coi thì bị cáo H sẽ lén lút đột nhập vào bên trong nhà lục tìm tài sản để trộm cắp, còn bị cáo Th đứng ngoài cảnh giới, cụ thể: Ngày 13/11/2018, các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt của vợ chồng chị Nguyễn Thị Phương L, anh Trương Quang Tr 06 chiếc nhẫn tròn trơn bằng vàng 24K (trong đó có 03 chiếc trọng lượng 02 chỉ; 02 chiếc trọng lượng 01 chỉ; 01 chiếc trọng lượng 0,5 chỉ); ngày 17/11/2018, các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt của vợ chồng chị Hồ Thị Mỹ Ng, anh Nguyễn Duy N các tài sản: tiền mặt 75.450.000đ; 01 dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 1,7 chỉ; 01 lắc tay bằng vàng 18K, trọng lượng 2,2 chỉ; 01 nhẫn tròn 18K, trọng lượng 0,2 chỉ. Tổng giá trị tài sản các bị cáo đã bị chiếm đoạt của các bị hại theo Hội đồng định giá xác định là 112.350.000đ (một trăm mười hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận các bị cáo Nguyễn Thị

Thanh H, Phạm Văn Th phạm tội: “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung “chiếm đoạt tài sản giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, mà còn gây mất trị an ở địa phương, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân trên địa bàn gây án. Các bị cáo Nguyễn Thị Thanh H, Phạm Văn Th là công dân đã trưởng thành, có đầy đủ sức khỏe, nhưng lười lao động, vì muốn nhanh chóng có tiền mà các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có tổng giá trị 112.350.000đ. Do đó, cần xử phạt các bị cáo một mức án thật nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo Hương là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, còn bị cáo Thịnh giữ vai trò đồng phạm giúp sức trong việc điều khiển xe chở bị cáo Hương và đứng ngoài cảnh giới khi bị cáo Hương thực hiện hành vi. Do đó, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo thì hình phạt áp dụng đối với bị cáo Hương phải nghiêm khắc hơn hình phạt áp dụng đối với bị cáo Thịnh.

[5] Xét nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản và giá trị tài sản mỗi lần đều trên 2.000.000đ, nên phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Nguyễn Thị Thanh H vào ngày 09/6/2017, bị Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” đã chấp hành xong hình phạt, nhưng chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội mới, nên còn phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, đã tự thú về hành vi phạm tội trước đó, tự nguyện bồi thường xong thiệt hại quy định tại điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị Thanh H có mẹ được nhà nước tặng huân chương kháng chiến và cha là cựu chiến binh nên còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét hai bị cáo trong vụ án có quan hệ vợ chồng, có 02 con tuổi còn nhỏ, nếu áp dụng hình phạt tù đối với hai bị cáo thì hai người con sẽ không có người trông nom, chăm sóc. Trong vụ án này, bị cáo H là người thực hành, còn bị cáo Th phạm tội với vai trò giúp sức, lại có nơi cư trú rõ ràng, hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ và là người lao động duy nhất trong gia đình. Do đó, để thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo Th ra ngoài xã hội mà để bản thân bị cáo tự cải tạo chính mình.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo và người bị hại đã thỏa thuận bồi thường và nhận lại tài sản xong, người bị hại không có yêu cầu gì thêm, nên miễn xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự,

- 01 xe mô tô hiệu Sirius biển kiểm soát 77L1-040.86; 01 điện thoại di động hiệu ViVo; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, đây là tài sản của các bị cáo Nguyễn Thị Thanh H và bị cáo Phạm Văn Th, nên tuyên trả cho các bị cáo.

- 02 con dao bằng kim loại là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên tuyên tịch thu, tiêu hủy.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Thị Thanh H, Phạm Văn Th phải chịu theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

\* Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thanh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo Hương 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 17/11/2018.

\* Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s, r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 54 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo Th 24 (hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ, được tính trừ 02 (hai) tháng 10 (mười) ngày bị cáo bị tạm giữ, giam, quy đổi là 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ, nên bị cáo còn phải chấp hành 17 (mười bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phạm Văn Th cho UBND phường Tr, thành phố Q, tỉnh B là nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Thịnh do bị cáo không có thu nhập ổn định

\* Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo và người bị hại đã thỏa thuận bồi thường và nhận lại tài sản xong, không có yêu cầu gì thêm, nên miễn xét.

\* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Tuyên trả 01 xe mô tô hiệu Sirius biển kiểm soát 77L1-040-86; 01 điện thoại di động hiệu ViVo; 01 điện thoại di động hiệu Nokia cho các bị cáo Nguyễn Thị Thanh H và bị cáo Phạm Văn Th.

- Tuyên tịch thu, tiêu hủy 02 con dao bằng kim loại.

(Toàn bộ vật chứng hiện đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/02/2019)

\* Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Thị Thanh H, Phạm Văn Th phải chịu mỗi bị cáo 200.000đ.

\* Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, bị hại vợ chồng chị Nguyễn Thị Phương L, anh Trương Quang Tr, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Văn Tr, nếu không đồng ý một phần hoặc toàn bộ bản án có quyền kháng cáo lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vợ chồng anh Nguyễn Duy N, chị Hồ Thị Mỹ Ng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*“Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND TX. A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Công an TX. A;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Văn H**